Chi tiết mã HS 8607.30.00

Mã HS	8607.30.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận của đầu máy hoặc của phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện / - Móc nối và các dụng cụ ghép nối khác, bộ đệm giảm chấn (bộ đỡ đấm), và phụ tùng của chúng
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 10:23:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86073000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16247
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16247
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16247
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15562
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15491
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15491
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15491
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15491
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15491
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15491
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15547
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15547

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15547
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15547
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15547
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15547
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15548
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15548
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15548
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15548
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15548
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15548
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15549
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15497
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15505
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15505
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15505
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15505
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15505
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15505
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15545
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15545
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15545
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15545
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15545
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15545
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15607
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15607

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15607
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15607
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15607
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15607
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15581
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15581
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15581
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15581
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15581
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15581
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15584
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15584
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15584
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15584
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15584
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15584
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15590
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15590
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15590
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15590
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15590
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15590
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15589
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15589
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15589
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15589

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15589
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15589
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15578
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15578
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15578
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15578
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15578
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15578
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15578
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15572
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15572
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15572
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15572
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15572
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15572
RCEP B	2022	2022	0	B!D15572
RCEP B	2023	2023	0	B!E15572
RCEP B	2024	2024	0	B!F15572
RCEP B	2025	2025	0	B!G15572
RCEP B	2026	2026	0	B!H15572
RCEP B	2027	2027	0	B!I15572
RCEP C	2022	2022	0	C!D15572
RCEP C	2023	2023	0	C!E15572
RCEP C	2024	2024	0	C!F15572
RCEP C	2025	2025	0	C!G15572
RCEP C	2026	2026	0	C!H15572

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15572
RCEP D	2022	2022	0	D!D15571
RCEP D	2023	2023	0	D!E15571
RCEP D	2024	2024	0	D!F15571
RCEP D	2025	2025	0	D!G15571
RCEP D	2026	2026	0	D!H15571
RCEP D	2027	2027	0	D!I15571
RCEP E	2022	2022	0	E!D15575
RCEP E	2023	2023	0	E!E15575
RCEP E	2024	2024	0	E!F15575
RCEP E	2025	2025	0	E!G15575
RCEP E	2026	2026	0	E!H15575
RCEP E	2027	2027	0	E!I15575
RCEP F	2022	2022	0	F!D15572
RCEP F	2023	2023	0	F!E15572
RCEP F	2024	2024	0	F!F15572
RCEP F	2025	2025	0	F!G15572
RCEP F	2026	2026	0	F!H15572
RCEP F	2027	2027	0	F!I15572
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14525
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14525
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14525
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14525

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8607.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8607.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16247), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.